

25. Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn 6 tháng đầu năm 2022

Triệu đồng

	Số liệu kỳ báo cáo	Số liệu cùng kỳ năm trước	Kỳ báo cáo so với kỳ trước (%)	Cơ cấu kỳ báo cáo	Cơ cấu cùng kỳ năm trước (%)
TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	7.250.000	6.774.574	107,02	100,00	100,00
I. Thu nội địa	6.725.000	6.055.440	111,06	92,76	89,38
1. Thu từ doanh nghiệp Nhà nước TW	260.000	280.833	92,58	3,59	4,15
2. Thu từ doanh nghiệp Nhà nước địa phương	340.000	222.378	152,89	4,69	3,28
3. Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	420.000	592.078	70,94	5,79	8,74
4. Thu từ khu vực công thương nghiệp-ngoại quốc doanh	910.000	890.695	102,17	12,55	13,15
5. Lệ phí trước bạ	400.000	351.414	113,83	5,52	5,19
6. Thuế SD đất phi nông nghiệp	4.000	3.246	123,23	0,06	0,05
7. Thuế thu nhập cá nhân	750.000	537.827	139,45	10,34	7,94
8. Thuế bảo vệ môi trường	105.000	115.824	90,65	1,45	1,71
9. Thu phí và lệ phí	80.000	78.288	102,19	1,10	1,16
10. Tiền sử dụng đất	1.943.000	1.925.419	100,91	26,80	28,42
11. Thu tiền cho thuê đất	830.000	279.602	296,85	11,45	4,13
12. Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	70.000	72.713	96,27	0,97	1,07
13. Thu xổ số kiến thiết	480.000	607.805	78,97	6,62	8,97
14. Thu khác	130.000	97.060	133,94	1,79	1,43
15. Thu CT, LNST, tiền bán bớt phần vốn NN	3.000	258	1162,79	0,04	0,00
II. Thu từ Hải quan	520.000	715.159	72,71	7,17	10,56
III. Các khoản thu được để lại chi quản lý qua NSNN	5.000	3.975	125,79	0,07	0,06